

## Hướng dẫn vận hành & lắp đặt

Máy giặt tự động hoàn toàn  
(Dùng cho gia đình)

Số model. **NA-F110A9** **NA-F100A9**  
**NA-F90A9** **NA-F85A9**



### Nội dung

<b>Lưu ý về an toàn</b>	2
<b>Tên các bộ phận / Phụ kiện</b>	6
<b>Trước khi giặt</b>	7
<b>Bảng vận hành</b>	8
<b>Giặt</b>	9
<b>Các chế độ khác nhau</b>	10
<b>Chất giặt / Nước xả vải / Chất tẩy</b>	12
<b>Các tùy chọn giặt</b>	14
<ul style="list-style-type: none"><li>• Hẹn Giờ</li><li>• Giặt / Xả / Vắt</li><li>• Giặt Nhẹ</li><li>• Chấn Màn</li><li>• Stain Master</li><li>• Sấy Gió</li></ul>	
<b>Các chức năng tiện dụng</b>	18
<b>Nội dung các chế độ giặt</b>	19
<b>Bảo dưỡng</b>	20
<b>Lắp đặt</b>	24
<b>Lỗi hiển thị</b>	28
<b>Xử lý sự cố</b>	30
<b>Thông số kỹ thuật</b>	32

### Cảm ơn quý khách đã mua sản phẩm.

- Xin vui lòng đọc kỹ các hướng dẫn này trước khi sử dụng để đảm bảo sản phẩm hoạt động tối ưu và an toàn nhất.
- Vui lòng cất giữ sách hướng dẫn này để tham khảo về sau.

AWW9901C9GC1-0C0



A0621-1064(V)

In tại Việt Nam

06-2024

# Lưu ý về an toàn

## ⚠ CẢNH BÁO

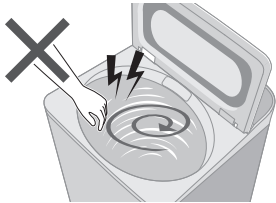
Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

**Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm.**

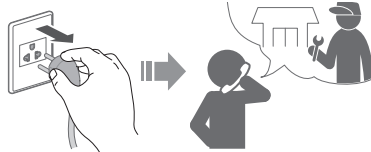


- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, giác quan hoặc tinh thần, hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng bởi người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ.
- Giám sát trẻ em, để phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

**Không chạm vào lồng giặt cho đến khi lồng giặt dừng quay.**

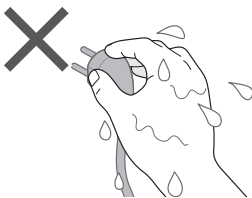


- Nếu lồng giặt không dừng quay trong vòng 15 giây:

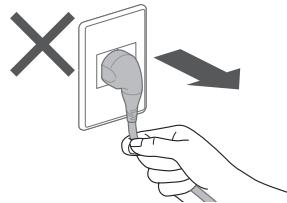


Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật.

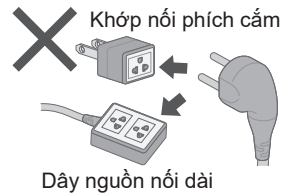
**Không chạm khi tay ướt.**



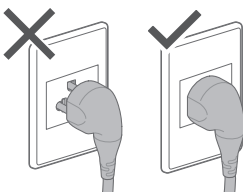
**Không cầm hoặc kéo dây nguồn.**



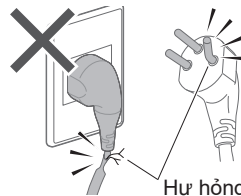
**Không sử dụng.**



**Cắm chặt.**

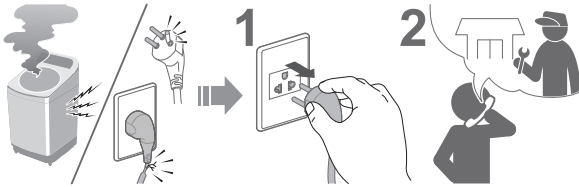


**Không sử dụng.**

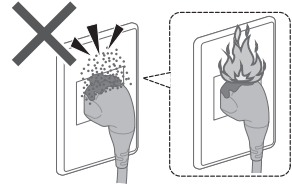


- Để tránh nguy hiểm, dây nguồn hỏng phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.

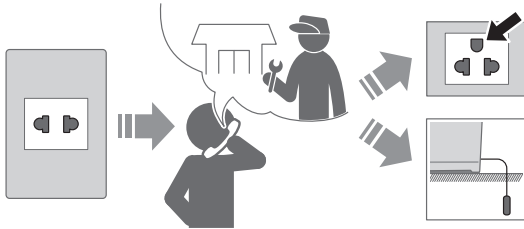
**Trong trường hợp hỏng hóc hoặc trục trặc, ngừng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên điện.**



**Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn.**



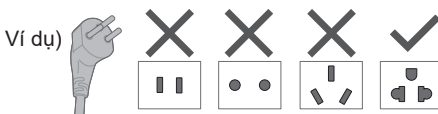
**Cắm chân nối đất thật chắc chắn. Yêu cầu kỹ thuật viên điện cung cấp một ổ cắm mới.**



**Vệ sinh phích cắm định kỳ.**



**Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này.**



- Hình dáng phích cắm thay đổi theo từng khu vực.

**Đề các vật liệu dễ cháy cách xa máy giặt.**



## **Có thể gây hỏng hóc.**

**Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc chỉnh sửa máy giặt.**

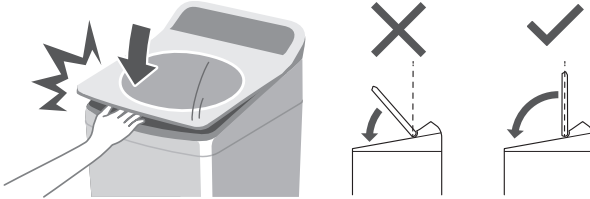


# Lưu ý về an toàn (tiếp)

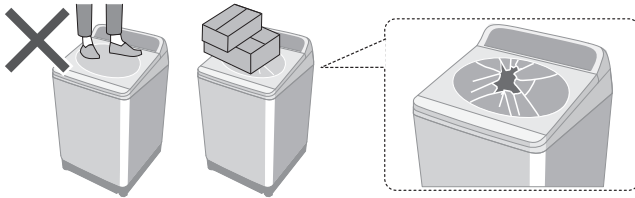
## ⚠ CẦN THẬN

Có thể gây thương tích.

Cẩn thận, tránh để ngón tay bị kẹp khi mở hoặc đóng nắp đậy.

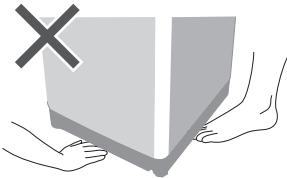


Không treo hoặc đặt các vật nặng lên trên máy giặt.



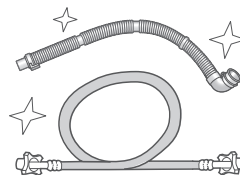
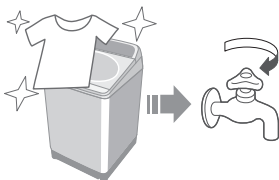
- Nếu nắp bị hỏng, ngừng sử dụng máy giặt ngay lập tức.

Không luôn tay hoặc chân xuống dưới gầm máy.



Có thể gây rò rỉ nước.

Khóa vòi nước sau khi giặt xong. Sử dụng bộ ống nước mới.

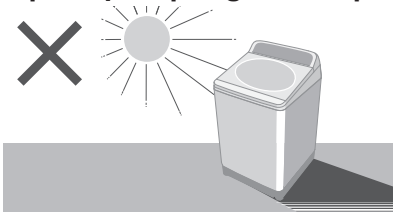


- Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

■ Để biết khối lượng quần áo khô tối đa và áp suất nước máy, xem Trang 32.

## Có thể gây hỏng hóc.

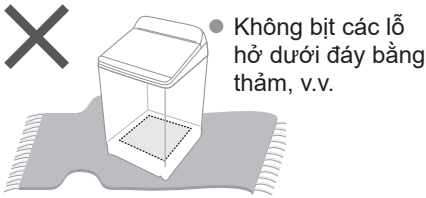
Đặt xa nơi có ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt.



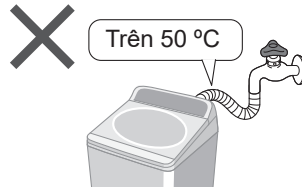
Không giặt các đồ vật có tính chống thấm nước.



Không gây cản trở hoạt động của máy giặt.



Không kết nối với nguồn nước nóng.



Chỉ sử dụng máy giặt cho các đồ vật có thể giặt máy.

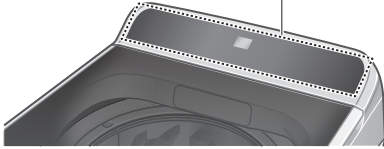


- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không được chủ định để sử dụng trong các trường hợp như:
  - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
  - nhà ở trang trại;
  - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
  - môi trường kiểu phục vụ ăn uống suốt đêm và bữa sáng;
  - khu vực dùng chung trong các khối căn hộ hoặc trong phòng giặt ủi.

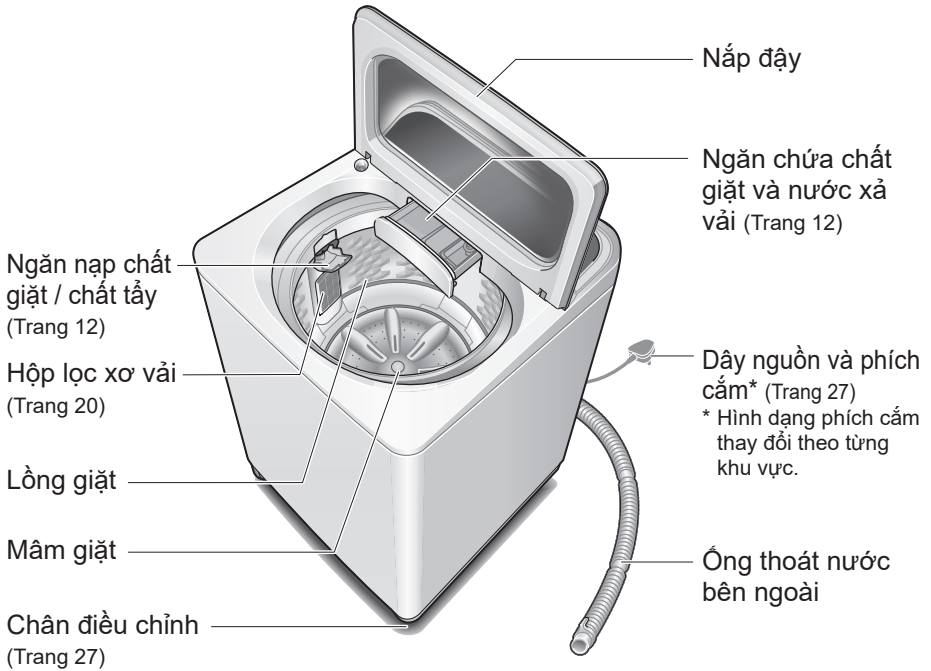
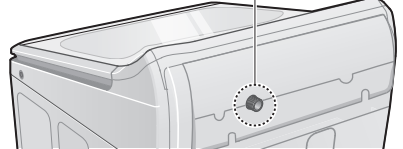
# Tên các bộ phận / Phụ kiện

## Tên các bộ phận

Bảng vận hành (Trang 8)

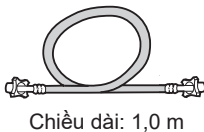


Van cấp nước (Trang 26)



## Phụ kiện

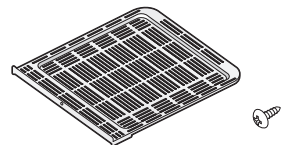
- Ống cấp nước (1)  
(Trang 26)



- Ống thoát nước bên ngoài (1)  
(Trang 25)



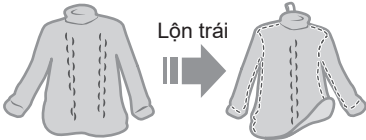
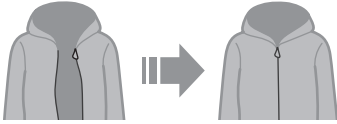
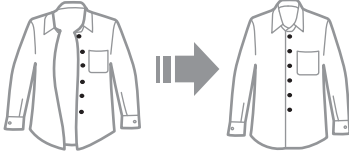
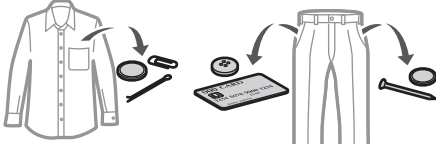
- Tấm bọc đáy (1) / Vít (1)  
(Trang 25)



# Trước khi giặt

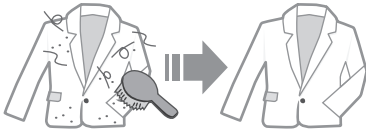
## Chuẩn bị đồ giặt và kiểm tra

### Kiểm tra trước khi giặt



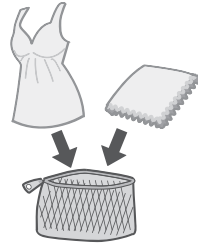
Lộn trái

Quần áo dễ bị xước



Tã giấy

### Sử dụng túi giặt cho đồ mỏng



Quá nhiều



Sấy Gió  
Air Dry (90 min)

### Đối với chế độ "Stain Master" (Trang 16)

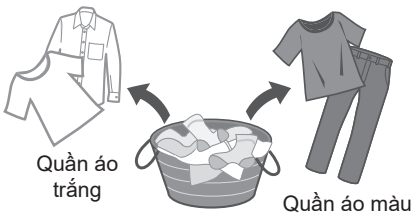
- Tiền xử lý với các vết bẩn cứng đầu



- Tuân theo các nhãn chăm sóc quần áo.



### Giặt riêng



Quần áo  
trắng

Quần áo màu

# Bảng vận hành

## Thay đổi cài đặt quá trình giặt (Trang 14)



Nhấp nhảy (đang trong quá trình)

## Mức nước



Khoảng 5 giây

## Thời gian còn lại



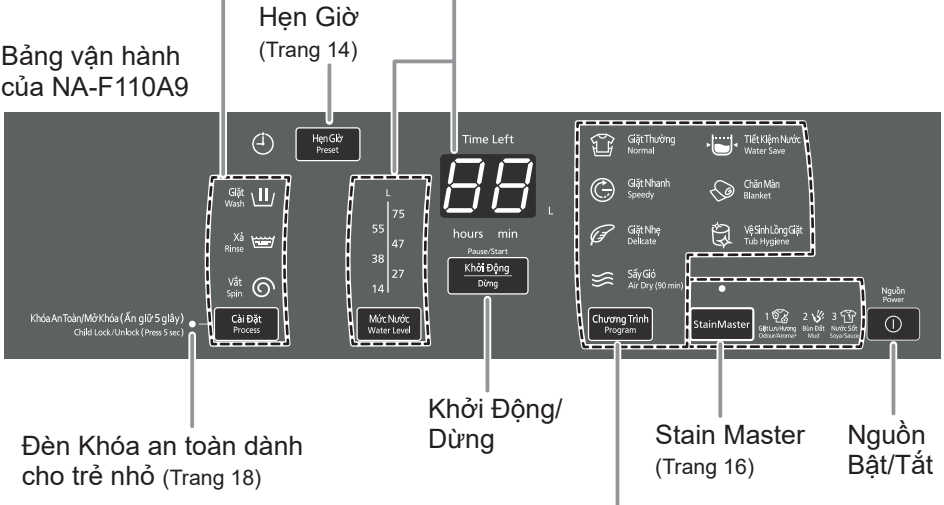
## Lượng chất giặt tẩy

Mức nước (L)		Lượng chất giặt tẩy *2
75 *1	55	
47		
38	27	
14		

\*1 NA-F110A9: 75 L  
 NA-F100A9: 72 L  
 NA-F90A9: 69 L  
 NA-F85A9: 66 L

\*2 : 1 muỗng chất giặt

## Bảng vận hành của NA-F110A9



Đèn Khóa an toàn dành cho trẻ nhỏ (Trang 18)

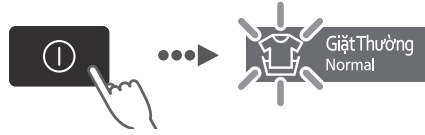
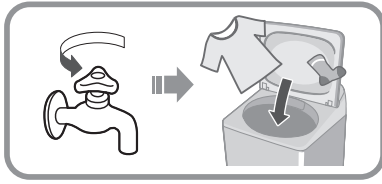
### LƯU Ý

- Trong trường hợp mất điện.
  - ⇒ Máy sẽ khôi phục hoạt động từ điểm dừng trước đó khi có điện trở lại.
- Nếu bạn không ấn **Khởi Động/ Dừng** trong vòng 10 phút sau khi bật nguồn.
  - ⇒ Tự động ngắt điện.

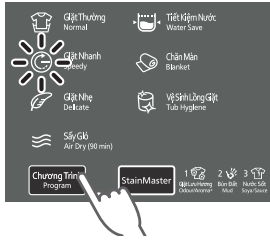


# Giặt

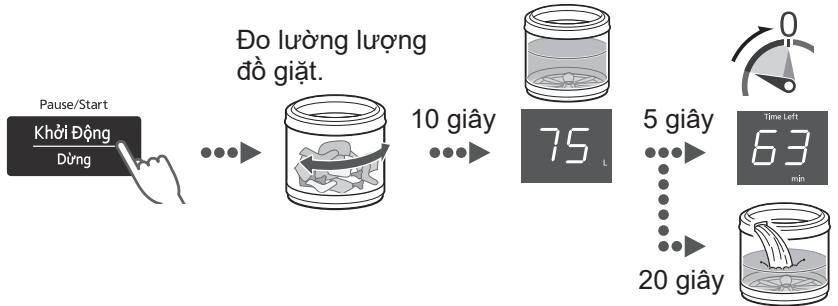
1



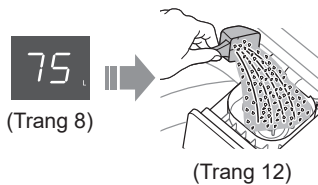
2



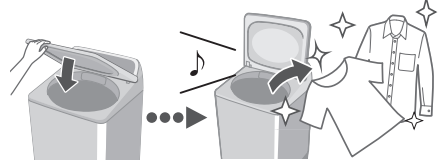
3



4



5












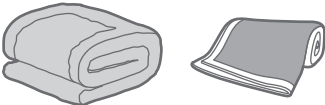
## ■ Sau khi ấn “KHỞI ĐỘNG”



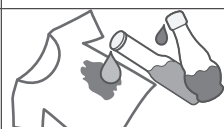





- Để thay đổi từng quá trình (trong khi giặt).



- Để kiểm tra hoặc thay đổi mực nước (trong khi giặt). → **Mức Nước Water Level**
- Bạn không thể thay đổi chương trình giặt.

# Các chế độ khác nhau

	Chế độ	Mục đích	Khối lượng giặt tối đa (kg)
Giặt	 <b>Giặt Thường</b> (Trang 9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Quần áo thường ngày</li> </ul> 	(F110A9) 11,0
	 <b>Giặt Nhanh</b> (Trang 9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Vớ quần áo ít bẩn</li> </ul> 	(F100A9) 10,0  (F90A9) 9,0
	 <b>Tiết Kiệm Nước</b> (Trang 9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Tiết kiệm nước</li> </ul> 	(F85A9) 8,5
	 <b>Giặt Nhẹ</b> (Trang 15)	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Giặt nhẹ nhàng</li> </ul> 	4,2
	 <b>Chăn Màn</b> (Trang 15)	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Chăn màn</li> </ul>  <p>Được gắn nhãn có thể giặt máy</p>	4,2

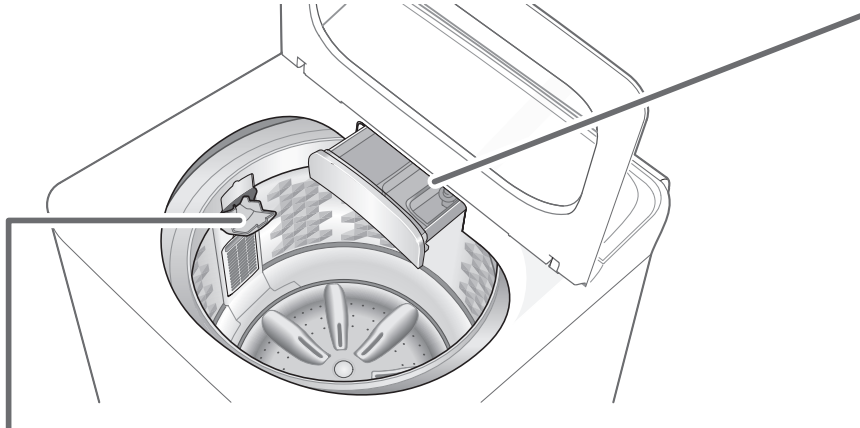
	Chế độ	Mục đích	Khối lượng giặt tối đa (kg)
Giặt	<b>StainMaster</b> (Trang 16)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Với các vết bẩn dưới đây</li> </ul>	
	Bản ít  <b>Giặt Lưu Hương</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng thêm nước xả vải để lưu hương lâu hơn</li> </ul>	6,0
	<b>Bùn Đất</b>		4,0
	<b>Nước Sốt</b> Bản nhiều		
Sấy	 <b>Sấy Gió 90'</b> (Trang 17, 23)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sấy khô quần áo làm bằng sợi tổng hợp</li> </ul> 	2,0
Bảo dưỡng		<ul style="list-style-type: none"> <li>Sấy khô lồng giặt</li> </ul> 	—
	 <b>Vệ Sinh Lồng Giặt</b> (Trang 23)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vệ sinh lồng giặt Loại bỏ mốc đen và mùi khó chịu</li> </ul> 	—

### LƯU Ý

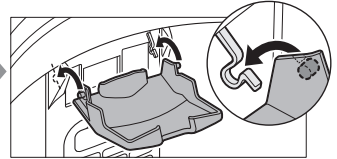
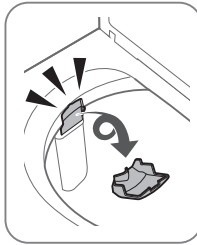
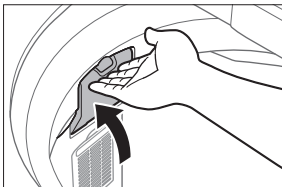
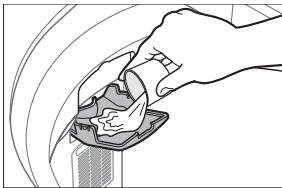
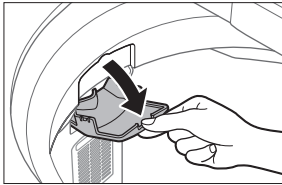
- Chế độ “Giặt Thường” và chế độ “Tiết Kiệm Nước” được khuyến nghị cho đồ giặt bẩn thông thường ở khối lượng giặt định mức của máy.

# Chất giặt / Nước xả vải / Chất tẩy

- Làm theo hướng dẫn trên bao bì.
- Đóng ngăn chứa cẩn thận trước khi sử dụng.

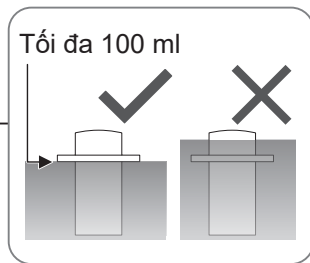
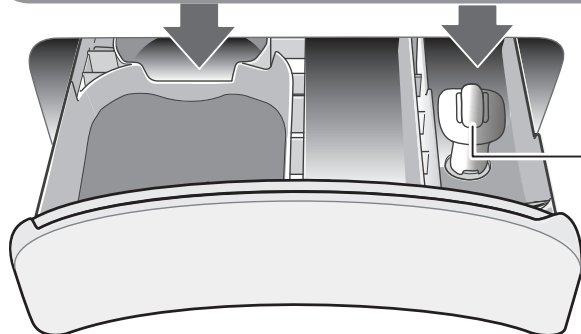
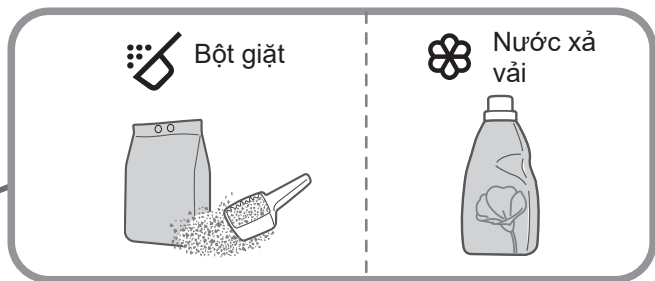


## Chất tẩy / Nước giặt



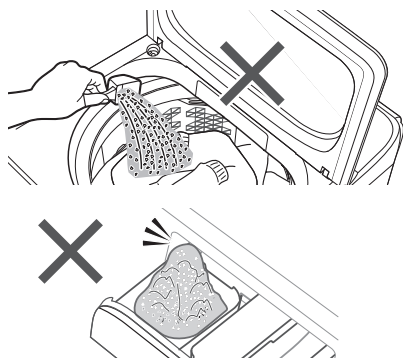
Chất tẩy trắng  
(chất tẩy Clo)





● Để vệ sinh (Trang 21)

## Chất giặt



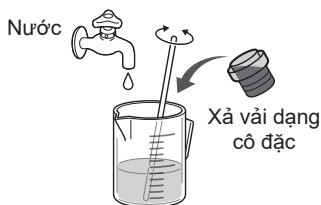
- Khi chất giặt dạng bột kém tan trong nước, hãy bỏ chất giặt vào ngăn nạp chất giặt / chất tẩy.



- Mức độ tạo bọt tùy thuộc vào khối lượng đồ giặt, mức độ bẩn, loại chất giặt, và độ cứng của nước.

## Nước xả vải

- Để cho nước xả vải vào khi máy đang hoạt động:



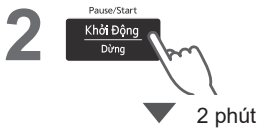
Không sử dụng nước xả vải đã tách lớp hoặc vón cục.


- Không thể sử dụng nước xả vải với chương trình "Tiết Kiệm Nước".








# Các tùy chọn giặt

## Hẹn Giờ

Cài đặt thời gian để kết thúc quá trình giặt.



Tắt cả các đèn  
chỉ báo sẽ tắt  
ngoại trừ 

 Giặt Thường Normal	2 - 24
 Giặt Nhanh Speedy	1 - 24
 Giặt Nhẹ Delicate	-
 Tiết Kiệm Nước Water Save	2 - 24
 Chăn Mền Blanket	-
<b>StainMaster</b>	(Trang 16)
 Sấy Gió Air Dry (90 min)	-
 Vệ Sinh Lồng Giặt Tub Hygiene	-

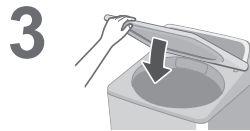
■ Để xác nhận sau khi cài đặt hẹn giờ



■ Để hủy hoặc thay đổi



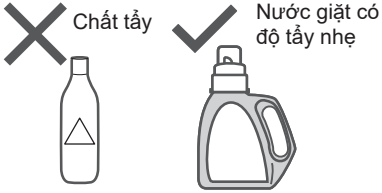
## Giặt / Xả / Vắt



## Giặt Nhẹ

55 L	4,2 kg
47 L	3,0 kg

### LƯU Ý



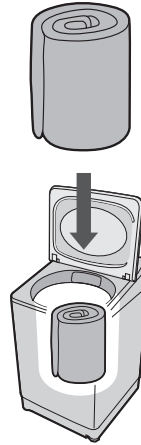
### ■ Sau khi máy giặt xong



## Chăn Màn

Mức nước cao nhất *	4,2 kg <ul style="list-style-type: none"><li>• 100 % sợi tổng hợp</li><li>• 100 % cotton</li></ul>
---------------------	--

\* NA-F110A9: 75 L / NA-F100A9: 72 L /  
NA-F90A9: 69 L / NA-F85A9 : 66 L



### LƯU Ý



### LƯU Ý

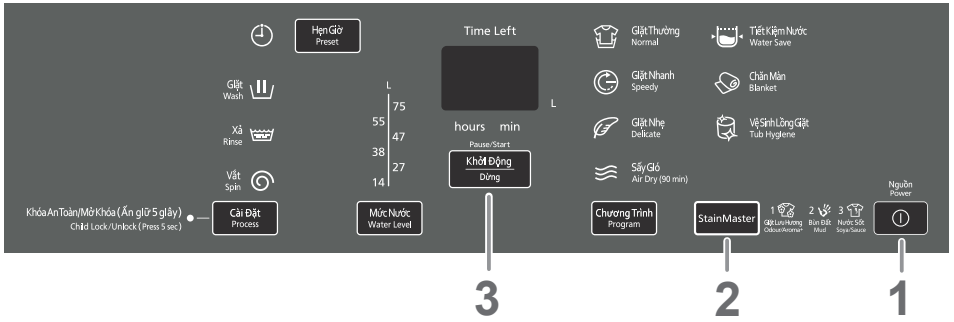
- Chỉ báo lượng nước hiển thị lượng nước tối đa và không thể thay đổi.

# Các tùy chọn giặt (tiếp)

## Stain Master

Chuẩn bị: (Trang 7)

Bảng vận hành của NA-F110A9



3

2

1

1



2



- Hẹn Giờ (theo tiếng) (Trang 14)  
Giặt Lưu Hương: -  
Khác: 2 - 24

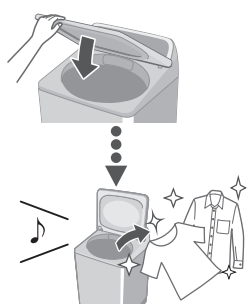
3



4

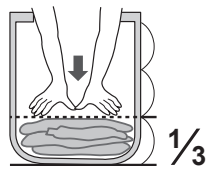


5



### LƯU Ý

- Khối lượng giặt tối đa (Trang 11)



- Mức nước tối đa:

Giặt Lưu Hương:	75 L (NA-F110A9) 72 L (NA-F100A9) 69 L (NA-F90A9) 66 L (NA-F85A9)
Khác:	55 L

- Không thể thay đổi cài đặt quá trình giặt của các chương trình này.



## Sấy Gió

Lưuồng không khí tạo ra do xoay lồng giặt sẽ loại bỏ nước khỏi quần áo.

- Quần áo có thể sấy: Sọt tổng hợp (Khối lượng tối đa: 2,0 kg)

1



2



3

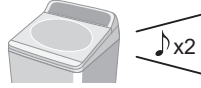



### LƯU Ý

- Quần áo có thể không được đủ khô (tùy thuộc vào lượng đồ giặt, loại quần áo và nhiệt độ).
- Vì chức năng này không sử dụng bộ tăng nhiệt nên người dùng có thể thấy đồ giặt bị lạnh và không khô hẳn.

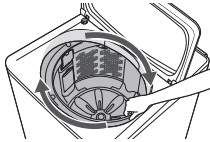
# Các chức năng tiện dụng

## Tắt còi báo giặt xong

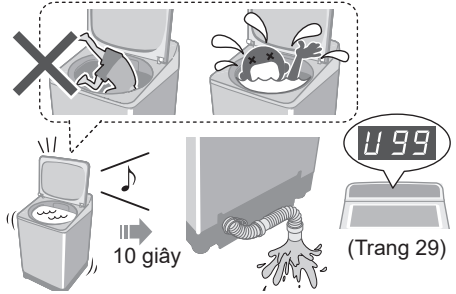


- Để cài đặt lại: hãy làm tương tự  x4

## Xoay lồng giặt bằng tay

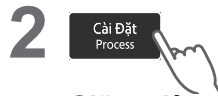


## Cài đặt chức năng Khóa An toàn dành cho trẻ nhỏ




Cường chế xả hết nước

\* Chức năng này không khóa nắp và các nút bấm vận hành.



Giữ 5 giây



- Để hủy: hãy làm tương tự  x4

# Nội dung các chế độ giặt

Chế độ		Tổng thời gian* <sup>1</sup> (phút)	Giặt (phút)	Xả (lần)	Vắt (phút)
	<b>Giặt Thường</b>	60	12	2	7
	<b>Giặt Nhanh</b>	35	3	2	3
	<b>Giặt Nhẹ</b>	45	9	2	1
	<b>Tiết Kiệm Nước</b>	90	12	4	5
	<b>Chăn Màn</b>	60	12	2	3
<b>Stain Master</b>	 <b>Giặt Lưu Hương</b>	75	12	2	5
	 <b>Bùn Đất</b>	75	25	2	5
	 <b>Nước Sốt</b>	105 <sup>*2</sup>	55 (Ngâm 20 phút)	2	5
	<b>Vệ Sinh Lồng Giặt</b>	140 <sup>*2</sup>	63 (Ngâm 61 phút)	2	30

\*1 Tổng thời gian chỉ là tương đối (Khi tốc độ cấp nước tiêu chuẩn là 15 L / phút và nhiệt độ nước là 28 °C).

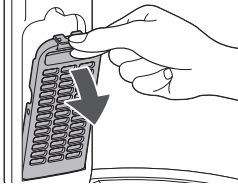
\*2 Thời gian còn lại (tối đa 99 phút) sẽ được hiển thị.  -- → 

# Bảo dưỡng

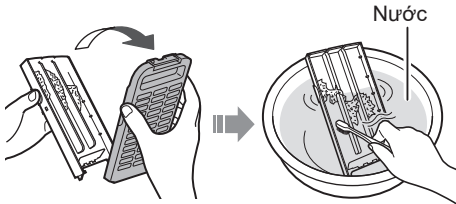
## Hộp lọc xơ vải

Sau mỗi lần hoạt động

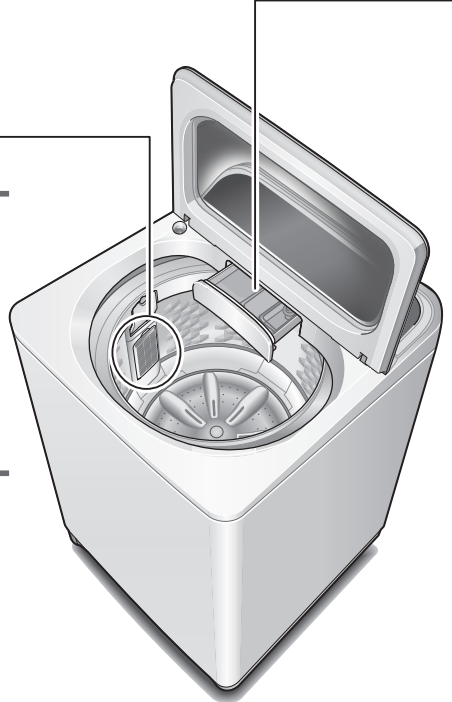
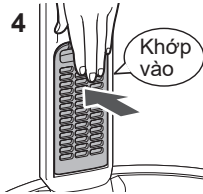
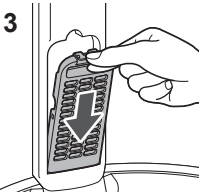
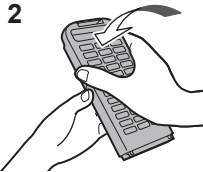
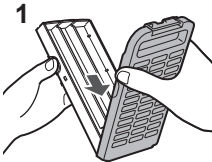
1



2



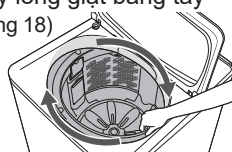
3



### LƯU Ý

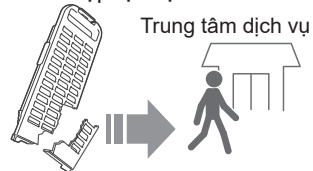


Nếu khó tháo hộp lọc, hãy xoay lồng giặt bằng tay (Trang 18)



Nếu hộp lọc bị vỡ

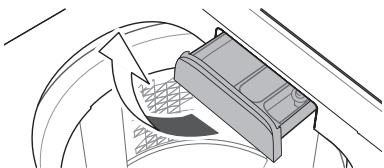
Trung tâm dịch vụ



## Ngăn chứa chất giặt và nước xả vải

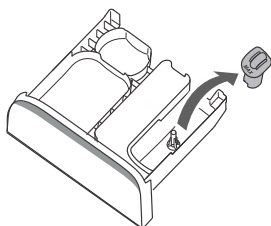
Nếu bị ố màu do chất giặt hoặc nước xả vải bám vào

1

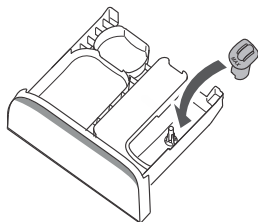


Tháo ngăn

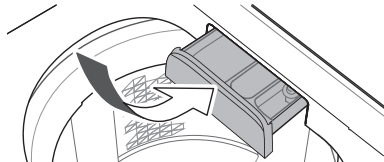
2



4

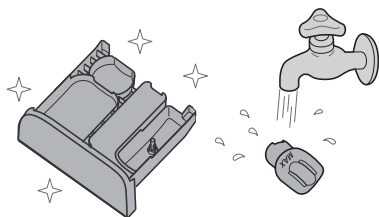


5



Gắn lại

3

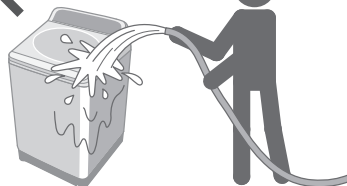
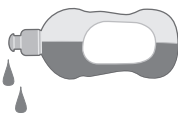


## Thân máy, nắp



Với vết bẩn nhiều

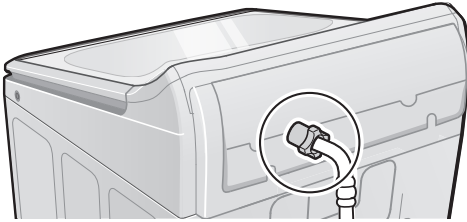
Chất tẩy rửa nhà  
bếp trung tính



# Bảo dưỡng (tiếp)

## Lưới lọc cấp nước

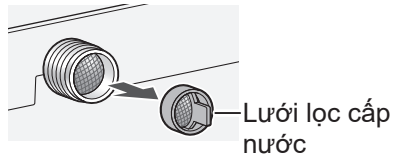
### Nếu nước không chảy đều



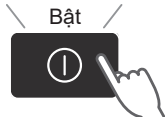
1



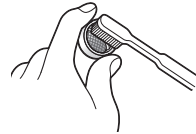
5



2



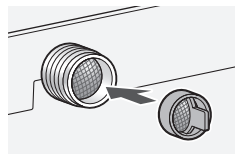
6



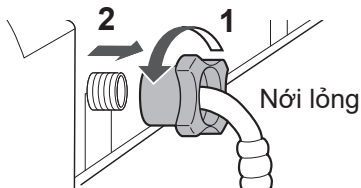
3



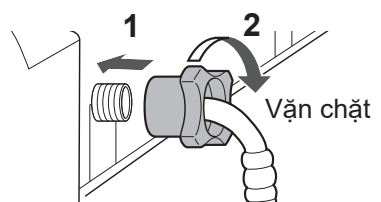
7



4

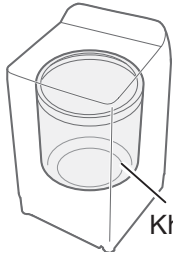


8



# Lồng giặt

## Mỗi tuần một lần <Sấy Giò>

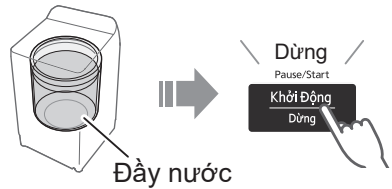


## Mỗi tháng một lần <Vệ Sinh Lồng Giặt>

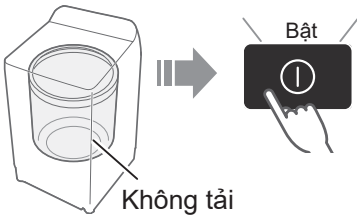
1



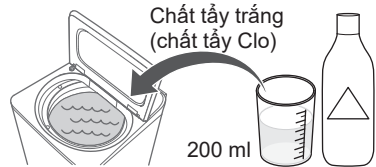
4



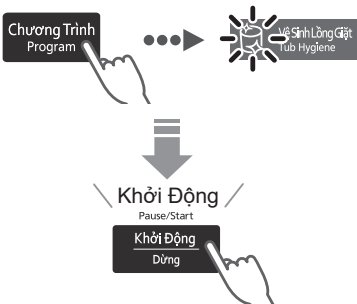
2



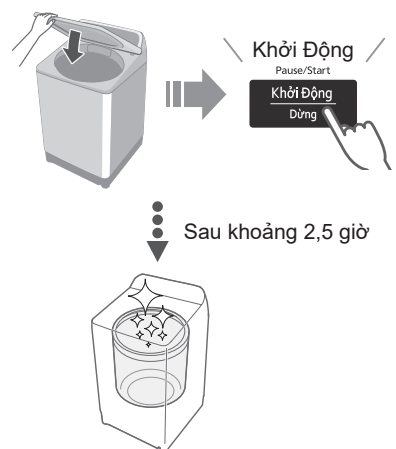
5



3

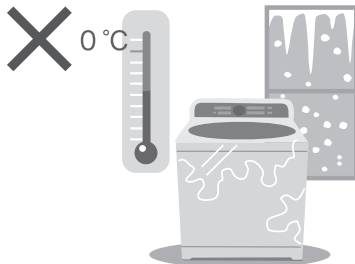
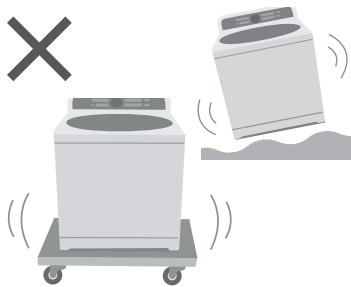


6



# Lắp đặt

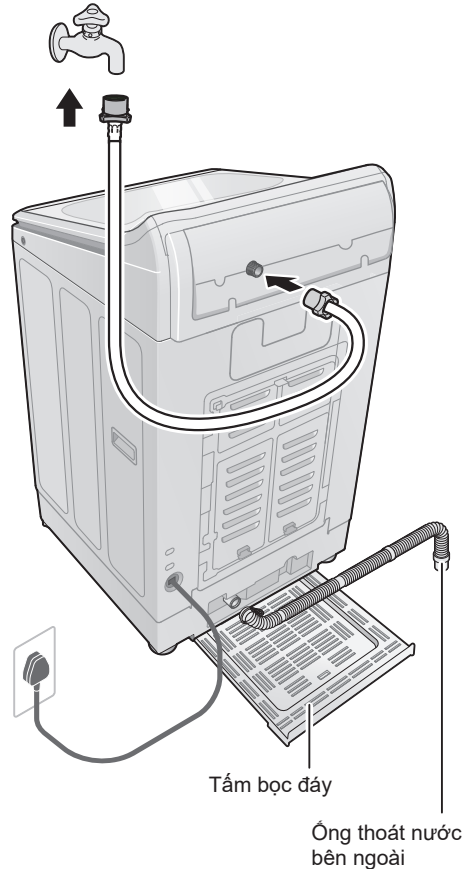
## Kiểm tra vị trí.



## Đảm bảo yêu cầu nhân viên bảo trì cho việc lắp đặt.

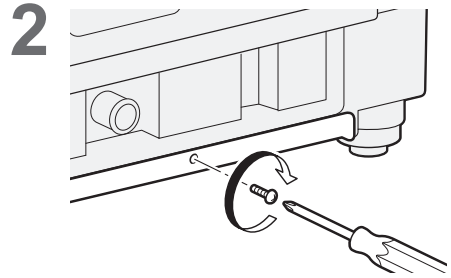
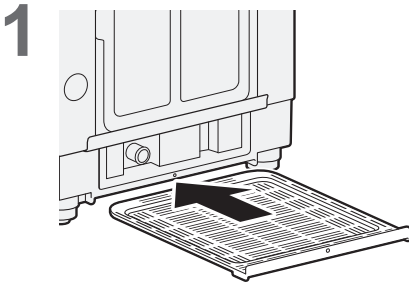


- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Làm theo phương pháp lắp đặt này. Nếu không, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn hoặc thiệt hại nào.

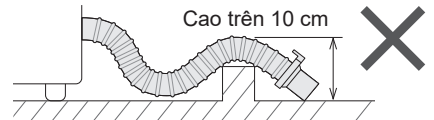
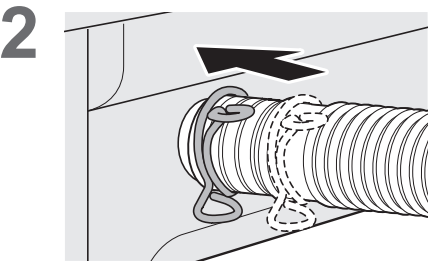
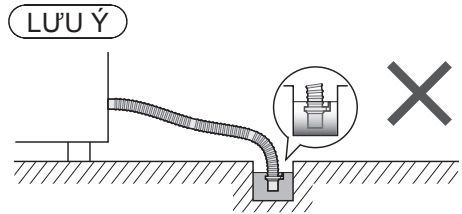
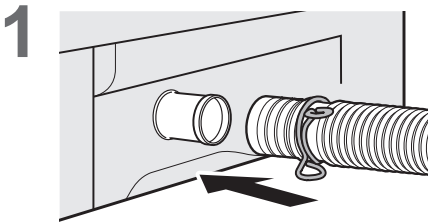




## Lắp tấm bọc đáy

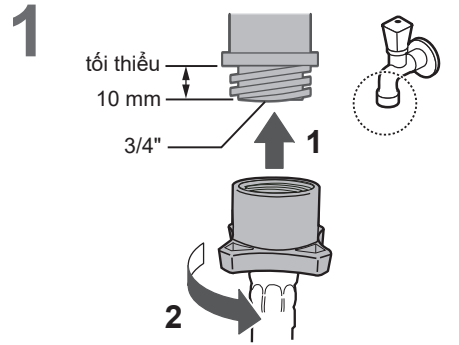
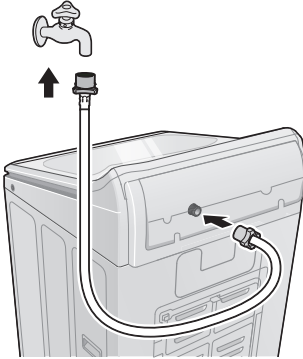


## Gắn ống thoát nước bên ngoài



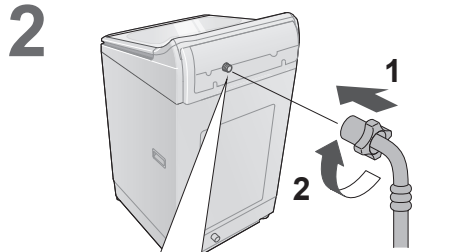
# Lắp đặt (tiếp)

## Nối ống cấp nước

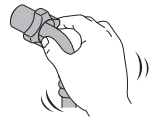


### CẢNH THẬN

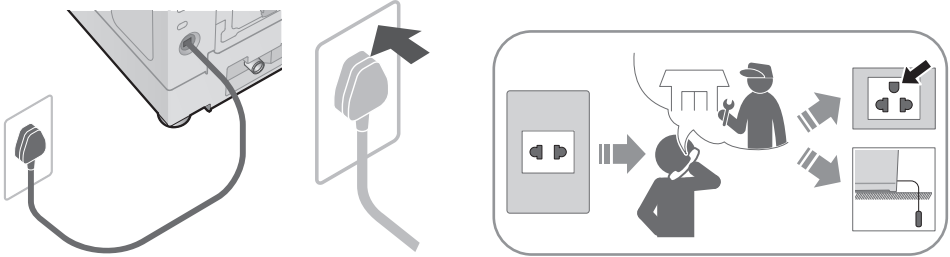
- Vặn chặt đai ốc.
- Không được uốn cong, ép, sửa đổi hoặc cắt ống.



- 3**
- Kiểm tra xem ống khuỷu có bị lỏng không.



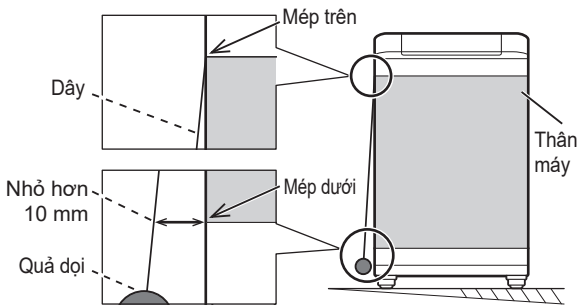
## Nối phích cắm và nối đất



## Kiểm tra tình trạng cân bằng của máy giặt

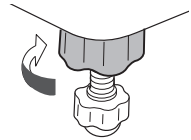
### ■ Kiểm tra độ cân bằng của máy bằng quả nặng:

- 1 Lấy chuẩn trên là mép trên của thân máy. Từ vị trí này, thả dây quả nặng thẳng đứng xuống.
- 2 Lấy chuẩn dưới là mép dưới của thân máy. Đo khoảng cách từ điểm chuẩn đến dây quả nặng. Khoảng cách này phải nhỏ hơn 10 mm ở bên trái, bên phải, phía trước, phía sau của máy giặt.

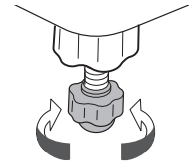


### ■ Nếu máy giặt bị rung lắc

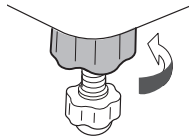
Nới lỏng



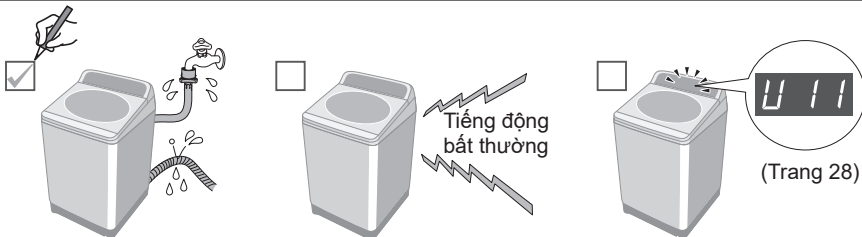
Điều chỉnh



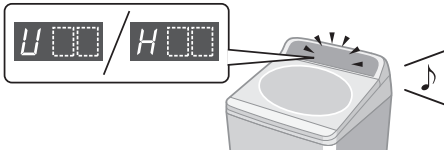
Vặn chặt



## Vận hành thử


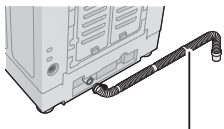
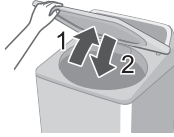
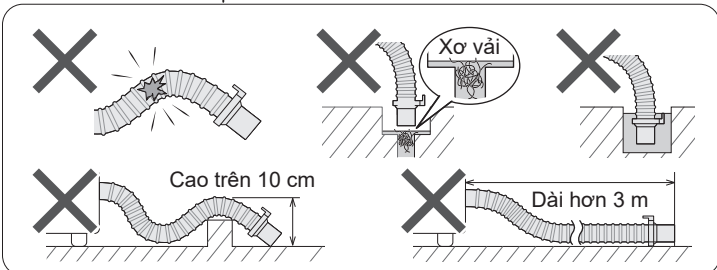

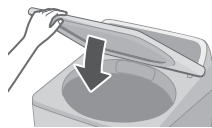




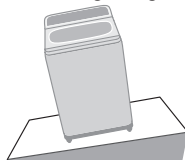
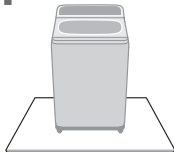



# Lỗi hiển thị



## ■ Chuẩn bị

Hủy bỏ chức năng Khóa An toàn dành cho trẻ nhỏ (Trang 18) nếu đã cài đặt.

Lỗi hiển thị	Các điểm cần kiểm tra
 <p>Không thể xả nước.</p>	<p><b>1</b> Kiểm tra</p>  <p><b>2</b></p>  
 <p>Nắp đang mở.</p>	<p><b>1</b></p> 
 <p>Quá trình vắt hoặc chế độ “Sấy Gió” không thể sử dụng được.</p>	<p>Mất cân bằng</p>  <p><b>1</b> Sắp xếp lại cân bằng</p>  <p><b>2</b></p>  <p>Vị trí đặt máy bị dốc hoặc không vững chắc</p>  <p><b>1</b> Vị trí vững chắc</p>  <p><b>2</b></p> 

Lỗi hiển thị

Các điểm cần kiểm tra

**U 14**

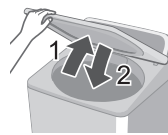
Nước không thể cấp.



**1**

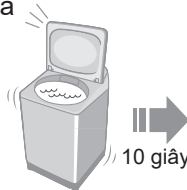


**2**



Khi thiết lập chức năng Khóa An toàn dành cho trẻ nhỏ

Khóa An Toàn/Mở Khóa (Ấn giữ 5 giây)  
Child Lock/Unlock (Press 5 sec)



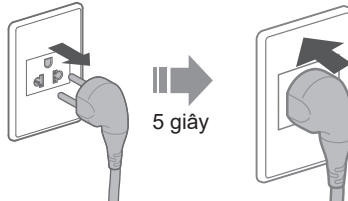
Cường chế xả hết nước



**U 99**

Máy buộc phải xả hết nước ra.

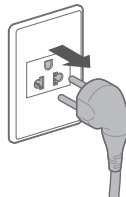
**1**



**1**



**2**










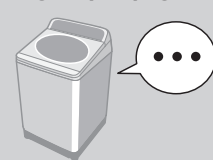
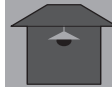




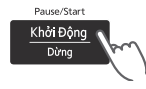





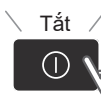
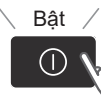


**3**












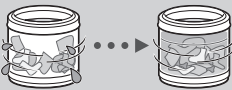

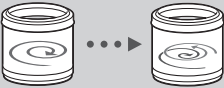
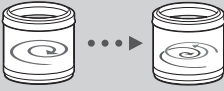




**H 00**

Yêu cầu kiểm tra.

# Xử lý sự cố

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Thời gian	<p><b>Thời gian hiển thị tăng lên hoặc không đổi.</b></p> 	<p>Thời gian hiển thị chỉ mang giá trị tương đối. Thời gian còn lại được điều chỉnh trong quá trình vận hành.</p> 
	<p><b>Thời gian vận hành dài hơn thời gian hiển thị.</b></p>  <p><b>Vận hành dài hơn thời gian hẹn giờ.</b></p> 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 30%;"> <p>Khi quần áo bị mất cân bằng.</p>  </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 30%;"> <p>Khi xả nước không tốt.</p>  </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 30%;"> <p>Khi cấp nước không tốt.</p>  </div> </div> <p style="text-align: center;">⇒ Thời gian vận hành có thể dài hơn.</p>
Thân máy	<p><b>Không hoạt động</b></p> 	<p><input type="checkbox"/> Kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Mất điện </li> <li>● Cài đặt hẹn giờ </li> </ul> <p><input type="checkbox"/> Hãy thử</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Đóng nắp. </li> <li>● Mở nước. </li> <li>● Cắm chặt dây nguồn. </li> <li>● Ấn "Khởi Động". </li> <li>● Đóng át tô mát. </li> </ul>
	<p><b>Không thể thay đổi cài đặt các quá trình (sau khi khởi động).</b></p> 	<p><input type="checkbox"/> Hãy thử</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Trong quá trình giặt             <ol style="list-style-type: none"> <li>1 Dừng  </li> <li>2 Cài Đặt </li> <li>3 Khởi Động  </li> </ol> </li> <li>● Sau quá trình giặt             <ol style="list-style-type: none"> <li>1 Tắt </li> <li>2 Bật </li> </ol> </li> </ul>

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Giặt	<b>Nước được cấp thêm trong khi giặt.</b> 	Khi mực nước xuống thấp.  Khi lượng đồ giặt lớn. 
	<b>Mực nước quá cao so với lượng đồ giặt</b> 	Khi đồ giặt bị ướt.  Có nước trong lồng giặt trước khi vận hành. 
	<b>Mực nước quá thấp so với lượng đồ giặt</b> 	Đối với quần áo nhẹ (sợi tổng hợp, v.v.). 
Xả	<b>Máy đã bắt đầu quá trình xả, nhưng nước không được cấp.</b> 	Khi không có nước trong lồng giặt.  Khi có nước trong lồng giặt. 
	<b>Máy đột ngột chuyển sang quá trình xả khi đang vắt.</b> <b>Bắt đầu quá trình xả thay vì vắt.</b> 	Nếu quần áo bị mất cân bằng, máy giặt tự động chuyển sang quá trình xả để sắp xếp lại quần áo cho cân bằng.  
Vắt	<b>Xoay không đều khi vắt.</b> 	Tốc độ xoay của lồng giặt được điều chỉnh để giảm rung động.  

# Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Các sự cố khác	<b>Mất điện / Nhảy át tô mát.</b>  Ngắt	Máy giặt sẽ tiếp tục hoạt động từ điểm dừng lúc trước khi có điện trở lại.  Đóng 
	<b>StainMaster không hiệu quả.</b> 	<input type="checkbox"/> Kiểm tra <ul style="list-style-type: none"> <li>● Khối lượng giặt tối đa (Trang 11)</li> </ul>  <input type="checkbox"/> Hãy thử <ul style="list-style-type: none"> <li>● Tiền xử lý (Trang 7)</li> <li>● Lựa chọn theo loại vết bẩn. (Trang 11)</li> </ul>  
	<b>Bột giặt không tan hết.</b> 	<input type="checkbox"/> Hãy thử Cho chất giặt vào ngăn nạp chất giặt / chất tẩy. (Trang 12) 

## Thông số kỹ thuật

Số model	NA-F110A9	NA-F100A9	NA-F90A9	NA-F85A9
Điện áp định mức	220 - 240 V			
Tần số định mức	50 Hz			
Công suất tiêu thụ định mức	500 W		490 W	485 W
Lượng nước tiêu chuẩn	75 L	72 L	69 L	66 L
Khối lượng giặt tối đa (Vải khô)	11,0 kg	10,0 kg	9,0 kg	8,5 kg
Kích thước sản phẩm	595 mm (Rộng) x 663 mm (Dài) x 1044 mm (Cao)			
Trọng lượng sản phẩm	35 kg			
Áp suất nước máy	0,01 - 1 MPa			

\* Hoạt động của máy giặt vẫn được đảm bảo trong điều kiện điện áp dao động từ 195 V tới 245 V, nhưng không đảm bảo về kết quả giặt.

Panasonic Corporation

<https://www.panasonic.com>

© Panasonic Appliances (Vietnam) Co., Ltd. 2021